

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Q
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST

Ngày 10/9/2020

" Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q – TỈNH HÀ GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

+ *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa* : Ông Cao Danh Nhân

+ *Các Hội thẩm nhân dân* : Bà Hầu Thị Ngọc và ông Vũ Văn Học

Thư ký phiên tòa: ông Vũ Hữu Toàn – Thư ký tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: ông Hồ Lý Xuân- Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2020/TLST- HNGĐ, ngày 06 tháng 5 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp người nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXX-ST ngày 25 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lèo Thị O; SN: 1993;

Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện Q, tỉnh Hà Giang.

Chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã Đ, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

Bị đơn: Anh Dương Văn T; SN:1989.

Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án và nội dung trình bày tại phiên tòa hôm nay. Chị Lèo Thị O là nguyên đơn trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị ở thôn T, xã Đ còn anh Dương Văn T ở thôn N, xã Đ quen nhau từ năm 2014, sau hai năm tìm hiểu đến năm 2016 chị và anh T lấy nhau thành vợ chồng, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới và UBND xã Đ đăng ký kết hôn vào ngày 28/9/2016 trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi cưới chị về chung sống cùng gia đình chồng, đến ngày 11/11/2016 thì sinh được con chung là cháu: Dương Thị T. Cuộc sống vợ chồng có hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vì sau khi lấy nhau chị đã học xong nghề giáo viên chưa có việc làm ổn định, có thời gian làm hợp đồng tại cửa hàng Vinaphone, sau đó ở nhà lao động sản xuất, làm nông nghiệp cùng gia đình chồng. Do tính cách của bố mẹ chồng và chị không hợp nhau nên có xảy ra những xung đột trong

cuộc sống hàng ngày, anh T cũng không can thiệp được, đặc biệt từ năm 2017, 2018 chị và anh T có mâu thuẫn căng thẳng do bất đồng trong việc sinh con, vợ chồng không chia sẻ thông cảm với nhau làm ảnh hưởng rất nhiều đến đời sống, tâm lý, tình cảm của chị. Ngoài ra do vợ chồng phải ở chung với bố mẹ chồng, không có sự tự lập, mọi việc đều phải phụ thuộc vào gia đình, những chi tiêu tối thiểu cho vợ chồng, con cái cũng phụ thuộc vào bố mẹ chồng dẫn đến cuộc sống riêng rất khó khăn, anh T cũng không có hướng để giải quyết. Do vậy, sau khi mâu thuẫn xảy ra vào tháng 6/2019 chị đã không ở chung với gia đình chồng, đi làm công nhân ở các tỉnh vùng xuôi, vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Hiện tại thấy tình cảm vợ chồng không có, cuộc sống không có hạnh phúc, chị có đơn đề nghị tòa án giải quyết ly hôn.

Tại phiên tòa hôm nay chị thấy mâu thuẫn đã kéo dài, không thể hàn gắn được, chị giữ nguyên quan điểm của mình đề nghị được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Dương Thị T; SN: 11/11/2016, hiện nay cháu đang ở với anh T và gia đình bên chồng tại thôn N, xã Đ, khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không đề nghị.

Trong quá trình giải quyết anh Dương Văn T trình bày ý kiến như sau:

Anh và chị O lấy nhau từ năm 2016, lúc đó chị O ở thôn T, còn anh ở thôn N có quen biết nhau và tìm hiểu tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn như chị O trình bày là đúng. Tuy nhiên sau khi thành vợ chồng chung sống với nhau có nhiều bất đồng, do không hợp nhau về mọi mặt. Sau khi sinh con gia đình anh cũng lo cho chị làm giáo viên hợp đồng nhưng vì thu nhập thấp nên chị cũng không thích, sau đó chị có đi làm tại cửa hàng Vinaphone anh thấy cũng vất vả nên muốn chị ở nhà lao động, làm ăn vì gia đình anh cũng có rất nhiều việc tạo thu nhập như trồng lúa, trồng rau, chạy chợ vv... nhưng chị O muốn ra ngoài đi làm thuê nên vợ chồng đã không cùng ý chí lựa chọn nghề nghiệp để tạo dựng kinh tế gia đình. Trong việc sinh con chung, anh chị cũng bất đồng, thống nhất được, trong ứng xử hàng ngày cũng có mâu thuẫn và giữa chị và bố mẹ anh hàng ngày cũng không hòa hợp dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, từ tháng 5/2029 chị bỏ đi làm thuê (làm công nhân) xa nhà, anh ở nhà chăm sóc con. Đến tháng 5/2020 chị về và có đơn ly hôn. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân hơn một năm nay, hiện tại anh thấy vợ chồng không thể đoàn tụ được, vì vậy chị đề nghị ly hôn anh nhất trí để giải phóng cho hai người.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Dương Thị T; SN: 11/11/2016, hiện nay cháu đang ở với anh, khi ly hôn chị O đề nghị nuôi con anh không nhất trí bởi vì hiện nay cháu đang học lớp mầm non tại thôn N, cuộc sống đang ổn định, anh cũng đủ điều kiện nuôi con, khi nào cháu nhận thức được muốn ở với bố hoặc mẹ anh cũng đồng ý.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng chưa có tài sản chung, không có công nợ chung, không đề nghị giải quyết.

Tại phiên tòa chị Léo Thị O giữ nguyên yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng bởi vì hiện nay chị đang làm giáo viên hợp đồng tại xã B, có thu nhập, khi được nuôi chị sẽ đưa con đến nơi công tác để thuận tiện cho việc chăm sóc.

Tại phiên tòa anh T không đồng ý bởi lý do anh có nơi ở ổn định, công việc của anh hàng ngày làm việc ở nhà, có thu nhập đủ điều kiện nuôi con. Đề nghị tòa án xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q có ý kiến về thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án: Tòa án đã thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật đang tranh chấp, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký phiên tòa và đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về yêu cầu khởi kiện: Xét thấy chị O và anh T có đăng ký kết hôn theo qui định. sau thời gian chung sống anh T, chị O mâu thuẫn trầm trọng, hiện nay cả hai đã sống ly thân và nhất trí ly hôn nên chị O đề nghị được ly hôn anh T là có căn cứ. Về người nuôi con thấy rằng con chung đang ở với anh T có nơi ở ổn định, thuận lợi cho việc chăm sóc con, thời gian vừa qua anh T và gia đình vẫn đảm bảo chị O được quyền thăm nom con chung, do vậy có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của anh T được nuôi con chung. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 39 Bộ luật Dân sự, khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Quốc Hội để xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị O và anh T. Về con chung: Giao cháu Dương Thị T cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, về tài sản chung, công nợ chung: Không có không đề nghị và án phí chị O phải chịu 300.000,đ án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Léo Thị O khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Dương Văn T đều có nơi cư trú tại huyện Q. TAND huyện Q thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền qui định.

[2] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Léo Thị O và anh Dương Văn T là hợp pháp, có đăng ký kết hôn vào ngày 28 tháng 9 năm 2016 tại UBND xã Đ, huyện Q, tỉnh Hà Giang theo giấy kết hôn số 28/2016 trên cơ sở tự nguyện và đủ các điều kiện theo qui định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng hầu như không có thời gian chung sống hạnh phúc, từ năm 2017 đã có mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do tính cách không hoà hợp nhau trong việc sinh con chung, bất đồng về lựa chọn nghề nghiệp và quan hệ giữa con dâu với bố mẹ chồng dẫn đến mâu thuẫn càng trầm trọng, ảnh hưởng đến hạnh phúc gia

đình. Hiện tại chị O , anh T thừa nhận cũng không còn tình cảm vợ chồng. Các chứng cứ, tài liệu thu thập được tại nơi cư trú đều xác nhận vợ chồng đã có mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài, đã sống ly thân. Đến thời điểm này mục đích hôn nhân không đạt, do vậy có đủ căn cứ để giải quyết cho chị Lèo Thị O được ly hôn anh Dương Văn T theo Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu: Dương Thị T; SN: 11/11/2016, cháu đang học lớp mẫu giáo 5 tuổi tại thôn N, xã Đ. Các tài liệu thu nhập được đã xác định: Kể từ khi chị O không ở cùng anh T từ tháng 6/2019 cho đến nay, anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu đảm bảo ăn học, anh có nơi ở và thu nhập ổn định, đồng thời quyền đi lại, thăm nom con chung của chị O vẫn được đảm bảo. Đối với chị O từ tháng 6/2019 đến nay vợ chồng không ở cùng nhau nhưng chị vẫn có trách nhiệm thăm nom cháu, tuy nhiên xét về điều kiện hiện nay chị chưa có nơi ở, công việc ổn định. Do vậy tại thời điểm này cần giao con chung cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp, về cấp dưỡng nuôi con anh T không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung : Chị Oanh, anh Thường xác định không có, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lèo Thị O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

2.Xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Lèo Thị O được ly hôn với anh Dương Văn T.

- Về người nuôi con: Giao cháu Dương Thị T; SN: 11/11/2016 cho anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu đủ tuổi thành niên hoặc có quyết định khác của Tòa án, chị O không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm non con, không ai được cản trở, vì quyền lợi của con chung một trong hai bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo qui định của luật Hôn nhân và gia đình .

- Về án phí : Chị Lèo Thị O phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Q ngày 06/5/2020 theo biên lai số BB/2013/05160. Xác nhận chị O đã nộp đủ.

Phiên tòa xét xử sơ thẩm, công khai báo cho nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HG;
- VKSND huyện QB;
- THADS huyện QB;
- UBND xã Đông Hà;;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Cao Danh Nhân